

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN KRÔNG NĂNG  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2021/DS-ST

Ngày 15 - 11 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Míp Niê – Hưu trí;

2. Ông Lê Đăng Huân – Hưu trí;

**- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 179/2021/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 110/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2021, giữa:

**- Nguyên đơn:** Bà Võ Thị K; Ông Nguyễn Cảnh H; trú tại: Số 190 đường Q, phường T, thành phố K, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K, ông H: Ông Võ Xuân T; trú tại: Số 144 tổ dân phố T, thị trấn P, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/6/2021, có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Đặng Văn K1, bà Lê Thị Q; trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện N, tỉnh Đắk Lắk (Đều vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Xuân T trình bày:**

Hộ gia đình bà K, ông H kinh doanh ngành nghề bán phân bón, chế phẩm sinh học tại phường Xuân Thanh, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai. Ông K1 với ông H là bạn bè học chung cấp 3 khi còn ở ngoài quê nên có quen biết nhau từ trước. Từ năm 2012, khi ông H lên tỉnh Đắk Lắk thì có gặp lại ông K1. Hai bên có bàn bạc, thỏa thuận bằng miệng với nhau việc ông H bán phân bón cho ông K1 vừa sử dụng, vừa bán cho các hộ dân trên địa bàn xã T, huyện N để kiếm lời. Cụ thể, giá phân ông H, bà K bán cho ông K1 là đã trừ chiết khấu (tức giá phân ông K1 mua

của ông H, bà K là thấp hơn giá thị trường một giá), sau đó ông K1 bán ra cho các hộ dân là bằng giá thị trường và lấy tiền chênh lệch. Mỗi lần chở phân từ miền nam lên xã T, huyện N giao cho ông K1 thì ông K1 đều ký vào giấy nhận phân và giấy nhận nợ. Đến ngày 19/3/2017, các bên có chốt lại công nợ với nhau, ông K1 còn nợ ông H, bà K 45.330.000 đồng tiền phân bón chưa trả. Toàn bộ chữ ký, chữ viết trong giấy chốt công nợ phân ngày 19/3/2017 là do ông K1 trực tiếp ký nhận.

Từ ngày 19/3/2017 cho tới nay, vợ chồng ông H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông K1 trả nợ nhưng ông K1 không trả với lý do hoàn cảnh kinh tế đang gặp khó khăn nên chưa có tiền trả. Việc đòi nợ của vợ chồng ông H chỉ đòi qua điện thoại, đòi trực tiếp nên không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh.

Nay, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc ông Đặng Văn K1, bà Lê Thị Q trả cho nguyên đơn 45.330.000 đồng là tiền phân bón còn nợ. Đối với phần lãi suất nguyên đơn không yêu cầu ông Đặng Văn K1, bà Lê Thị Q phải trả cho nguyên đơn.

**- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Văn K1 trình bày:**

Ông Đặng Văn K1 với ông Nguyễn Cảnh H là bạn bè cùng học chung cấp 3 khi còn ở ngoài tỉnh Nghệ An. Cuối năm 2012, thì ông K1 gặp ông H tại tỉnh Đắk Lắk. Khi gặp gỡ nói chuyện thì ông K1 được biết ông H hiện đang kinh doanh, mua bán phân bón, chế phẩm sinh học. Hai bên có bàn bạc, thỏa thuận bằng miệng với nhau việc ông H giao phân bón cho ông K1 vừa sử dụng vừa bán cho các hộ dân trên địa bàn xã T, huyện N để hưởng tiền bồi dưỡng. Từ năm 2012 đến ngày 19/3/2017 ông K1 đã nhận phân của ông H và bán cho các hộ dân rất nhiều (không nhớ rõ số lượng), tính đến ngày 19/3/2017 các bên chốt lại công nợ ông K1 còn nợ ông H 45.330.000 đồng tiền phân bón. Toàn bộ chữ ký, chữ viết trong giấy chốt công nợ phân ngày 19/3/2017 là do ông K1 trực tiếp ký nhận. Số phân bón chưa trả tiền ông K1 đã bán hết cho các hộ dân. Tuy nhiên, vì các hộ dân cho rằng phân bón giả nên không trả tiền cho ông K1 nên ông K1 chưa có tiền để trả cho ông H. Đối với khoản tiền bồi dưỡng khi bán phân ông H chưa trả cho ông K1, tuy nhiên ông K1 không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh việc này và ông K1 cũng không có yêu cầu gì đối với khoản tiền này. Tiền bồi dưỡng ông K1 sử dụng vào việc chi tiêu, phát triển kinh tế trong gia đình.

Nay, vợ chồng ông H, bà K khởi kiện buộc vợ chồng ông K1 phải trả 45.330.000 đồng tiền phân bón và tiền lãi suất phát sinh từ ngày 19/3/2017 cho tới nay với mức lãi suất 10%/năm thì ông K1 chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc 45.330.000 đồng. Tuy nhiên, vì các hộ dân mua phân cho rằng phân giả nên chưa thu được tiền bán phân cho các hộ dân, ông K1 chưa có tiền trả cho ông H, bà K. Khi nào thu được tiền phân của các hộ dân thì ông K1 sẽ trả cho vợ chồng ông H. Ông K1 đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì từ ngày 19/3/2017 cho tới nay ông H, bà K không yêu cầu ông K1 trả nợ.

Ngoài các nội dung nêu trên thì ông K1 không yêu cầu giải quyết thêm nội dung nào khác.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Thị Q mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản hợp lệ nhưng đều vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

**\* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:**

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 429; Điều 430; Điều 440 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị K, ông Nguyễn Cảnh H.

Buộc ông Đặng Văn K1, bà Lê Thị Q phải cho bà Võ Thị K, ông Nguyễn Cảnh H: 45.330.000 đồng tiền phân bón còn nợ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng mua bán” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại huyện N, tỉnh Đắk Lắk và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Đặng Văn K1, bà Lê Thị Q vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ vào giấy nhận nợ ngày 19/3/2017, thể hiện nội dung: “Còn nợ tiền 45.330.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng)”. Ông Đặng Văn K1 thừa nhận toàn bộ chữ ký, chữ viết trong giấy chốt công nợ phân ngày 19/3/2017 là do ông K1 trực tiếp ký nhận. Do đó, việc ông K1 còn nợ vợ chồng ông H, bà K số tiền phân bón 45.330.000 đồng là có thật.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án ông K1 cho rằng: Ông K1 còn nợ vợ chồng ông H, bà K tiền phân bón 45.330.000 đồng. Tuy nhiên, vì các hộ dân mua phân cho rằng phân giả nên chưa thu được tiền bán phân cho các hộ dân, ông K1 chưa có tiền trả cho ông H, bà K. Khi nào thu được tiền phân của các hộ dân thì ông K1 sẽ trả cho vợ chồng ông H. Mặt khác, ông K1 cho rằng giữa ông K1 với ông H không ký với nhau hợp đồng mua bán, ông K1 chỉ giúp ông H bán được phân và hưởng tiền bồi dưỡng. Ông K1 đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Đề nghị Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho ông H, bà K. Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng mua bán được xác lập bằng lời nói, các bên đã thực hiện hợp đồng thể hiện bằng giấy xác nhận nhận hàng, nhận nợ đề ngày 19/3/2017 có nội dung: Còn nợ tiền 45.330.000đ. Nội dung nhận nợ là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại Điều 430 Bộ luật dân sự 2015 quy định:

*“Điều 430: Hợp đồng mua bán tài sản:*

*Hợp đồng mua bán tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên bán chuyển quyền sở hữu tài sản cho bên mua và bên mua trả tiền cho bên bán .....”*

Vợ chồng ông H, bà K đã giao tài sản của mình là phân bón cho ông K1 và ông K1 đã nhận đầy đủ số lượng phân bón và xác nhận số nợ. Đến nay, ông K1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đã vi phạm thời hạn trả nợ quy định tại khoản 1 Điều 440 của Bộ luật dân sự 2015 quy định:

Điều 440: Nghĩa vụ trả nợ:

*“1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng...”*

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông H, bà K đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Đặng Văn K1, bà Lê Thị Q phải trả cho vợ chồng bà Võ Thị K, ông Nguyễn Cảnh H số tiền còn nợ là 45.330.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của ông Đặng Văn K1 đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện thì thấy: Vào ngày 19/3/2017, các bên có lập giấy xác nhận nợ đề ngày 19/3/2017 có nội dung: “Còn nợ tiền 45.330.000 đồng”, theo nội dung giấy nhận nợ các bên không thỏa thuận ngày trả nợ, không thỏa thuận lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án các bên không chứng minh được thời điểm phát sinh tranh chấp. Do đó, thời điểm phát sinh tranh chấp là ngày nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ngày 23/4/2021. Vì vậy, thời điểm tính thời hiệu khởi kiện bắt đầu từ ngày 23/4/2021.

Điều 429. Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng:

*“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm...”*

Do đó, việc ông Đặng Văn K1 yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với số tiền phân bón còn nợ 45.330.000 đồng không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với phần lãi suất phát sinh: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần lãi suất. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[2.4] Về nghĩa vụ trả nợ: Quá trình giải quyết ông Đặng Văn K1 cho rằng việc mua bán phân nhằm có thêm thu nhập để chi tiêu trong gia đình, phát triển kinh tế gia đình. Do đó, ông Đặng Văn K1 cùng với vợ bà Lê Thị Q phải có nghĩa vụ trả nợ cho vợ chồng ông Nguyễn Cảnh H, bà Võ Thị K là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Cảnh H, bà Võ Thị K đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông Đặng Văn K1, bà Lê Thị Q phải trả cho vợ chồng bà Võ Thị K, ông Nguyễn Cảnh H số tiền còn nợ là 45.330.000 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Đặng Văn K1, bà Lê Thị Q phải chịu: 45.330.000 đồng x 5% = 2.379.825 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh H, bà Võ Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 2.040.000 đồng nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002857 do ông Võ Thành N nộp thay tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng.

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 149, Điều 429; Điều 430; Điều 440; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh H, bà Võ Thị K.

1. Buộc ông Đặng Văn K1, bà Lê Thị Q phải trả cho ông Nguyễn Cảnh H, bà Võ Thị K số tiền 45.330.000 đồng (*Bốn mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng*).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.*

2. Về án phí: Ông Đặng Văn K1, bà Lê Thị Q phải chịu 2.379.825 đồng (*Hai triệu, ba trăm bảy chín ngàn, tám trăm hai mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Nguyên đơn ông Nguyễn Cảnh H, bà Võ Thị K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại số tiền 2.040.000 đồng (*Hai triệu, không trăm bốn mươi ngàn đồng*) nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0002857 do ông Võ Thành N nộp thay tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường và nơi họ cư trú.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng (02);
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- .....;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trương Xuân Hải**